

Bản án số: 232/2024/DS-ST  
Ngày 19 - 9 - 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Đào Việt Khái.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2024/TLST- DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 353/2024/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Tuyết T (Huỳnh Hoàng O), sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C.

**Bị đơn:** Bà Lý Thị P (vắng mặt).

Ông Phạm Hoàng T (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện ngày 23/7/2024, các văn bản kèm theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết T trình bày:

Vào ngày 10/10/2023 âm lịch ông Phạm Hoàng T cùng vợ là Lý Thị P có hỏi vay của bà Huỳnh Thị Tuyết T (Huỳnh Hoàng Oanh) với số tiền là 135.000.000 đồng. Lãi suất là 20/năm. Tiền lãi mỗi tháng là 2.250.000 đồng. Thời gian thanh toán đến ngày 10/12/2023. Từ khi vay đến thời điểm hiện tại là 08 tháng ông T và bà P không đóng lãi cho bà. Tổng số tiền lãi 08 tháng ông T và bà P còn nợ là 18.000.000 đồng. Tính cả vốn và lãi là 153.000.000 đồng.

Đến ngày 26/10/2023 âm lịch ông Phạm Hoàng T cùng vợ là Lý Thị P có hỏi vay của bà T với số tiền là 159.000.000 đồng. Lãi suất là 20/năm. Tiền lãi mỗi tháng là 2.650.000 đồng. Thời gian thanh toán là hai tháng. Từ khi vay đến thời điểm hiện tại là 08 tháng ông T và bà P không đóng lãi cho bà. Tổng số tiền lãi 08 tháng ông T và bà P còn nợ là 21.200.000 đồng. Tính cả vốn và lãi là 180.200.000 đồng.

Từ khi vay tiền ông T và bà P không trả cho bà, bà liên hệ yêu cầu trả tiền nhiều lần nhưng ông T và bà P không thực hiện và cứ hứa hẹn cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lý Thị P và ông Phạm Hoàng T trả cho bà với tổng số tiền là 333.200.000 đồng, trong đó nợ vốn là 294.000.000 đồng và lãi là 39.200.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Lý Thị P và ông Phạm Hoàng T đúng quy định pháp luật. Nhưng bà Lý Thị P và ông Phạm Hoàng T vắng mặt và không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

### *[1] Về thủ tục tố tụng:*

Tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị Tuyết T với bà Lý Thị P và ông Phạm Hoàng T được xác định là “Hợp đồng vay tài sản” là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bà Lý Thị P và ông Phạm Hoàng T có nơi cư trú tại huyện Phú Tân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ được quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lý Thị P và ông Phạm Hoàng T được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng bà Lý Thị P và ông Phạm Hoàng T không cung cấp chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Lý Thị P và ông Phạm Hoàng T.

### *[2] Về nội dung tranh chấp:*

Bà Huỳnh Thị Tuyết T xác định giữa bà với vợ chồng ông T có thỏa thuận vay tiền cụ thể là vào ngày 10/10/2023 âm lịch ông Phạm Hoàng T có hỏi vay của bà T với số tiền là 135.000.000 đồng. Đến ngày 26/10/2023 âm lịch ông T và bà P tiếp tục vay thêm 159.000.000 đồng. Quá trình vay tiền ông T đều ký Biên nhận.

Ông Phạm Hoàng T có vay tiền của bà Huỳnh Thị Tuyết T là thực tế xảy ra và để nợ quá hạn do ông T phải trả nợ gốc và lãi nhưng không thực hiện. Phía bà T đã nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ nhưng ông T không thanh toán cho bà T. Bà T có cung cấp hai Biên nhận nợ lập ngày 10/10/2023 âm lịch và Biên nhận ngày 26/10/2023 âm lịch có nội dung về việc ông Phạm Hoàng T có vay tiền của bà Huỳnh Thị Tuyết T và có ký tên đúng như bà T trình bày. Bà T xác định tại địa phương bà có tên thường gọi là Huỳnh Hoàng Oanh nên trong Biên nhận nợ để tên người cho mượn là Huỳnh Hoàng Oanh. Quá trình giải quyết vụ án bà Lý Thị P và

ông Phạm Hoàng T không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện và chứng cứ do bà Huỳnh Thị Tuyết T cung cấp, bà Lý Thị P, ông Phạm Hoàng T cũng không có yêu cầu phản tố. Bà Lý Thị P và ông Phạm Hoàng T vẫn là vợ chồng nên bà P có trách nhiệm trả nợ cùng ông T. Do đó bà Lý Thị P, ông Phạm Hoàng T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Huỳnh Thị Tuyết T với tổng số tiền là 333.200.000 đồng, trong đó nợ vốn là 294.000.000 đồng và lãi là 39.200.000 đồng là có cơ sở.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nay buộc bà Lý Thị P và ông Phạm Hoàng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Huỳnh Thị Tuyết T. Buộc bà Lý Thị P và ông Phạm Hoàng T cùng liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Tuyết T số tiền nợ là 333.200.000 đồng (ba trăm ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Lý Thị P và ông Phạm Hoàng T cùng liên đới phải chịu 16.660.000 đồng (mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Bà Huỳnh Thị Tuyết T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bà Lý Thị P và ông Phạm Hoàng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**Son Ngọc Trọng**